

Bản án số: 88 /2018/HN-ST

Ngày: 6-9-2018

V/v: “*Hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – BẾN TRE

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Mộng Tuyền.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Sương

2. Ông Nguyễn Xuân Trường

- **Thư ký phiên Tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 6/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2018 về việc: “*Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXXST-HN ngày 31/7/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2018/QĐXXST-HN ngày 15/8/2018 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Huỳnh Liên, sinh năm 1984, ĐKTT: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nơi tạm trú: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2/ *Bị đơn:* anh Hồ Quang T, sinh năm 1980, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Các đương sự có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh L trình bày:

Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (Ba Tri – Bến Tre) vào ngày 20/9/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình anh T tại ấp T, xã T (B, Bến Tre). Thời gian đầu, hai bên chung sống hạnh phúc. Đến năm 2010, do tính tình anh T thay đổi thường hay nhậu say về cự cãi với chị, rồi còn đi chơi qua lại với nhiều người phụ nữ khác. Chị đã khuyên bảo rất nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, ngược lại anh T lại ghen tuông nghi ngờ chị, theo dõi chị, không tin tưởng chị. Chị nói thì cự chưởi chị, còn đánh đập chị nên chị bỏ về nhà cha mẹ chị sống từ tháng 4 năm 2018. Trong thời gian ly thân, anh T có đến kêu chị về, chị không chịu về thì anh T lại cự cãi với cha chị và liên tục hăm dọa đánh chị. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn giữa hai bên là trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm đối với anh T đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung

không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Con chung Hồ Thị Huỳnh T, sinh ngày 02/11/2007, hiện đang sống với anh T, hiện con có nguyện vọng muốn sống với anh để tiện cho việc đi học của cháu nên chị đồng ý để con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến con chung tròn 18 tuổi. Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: theo đơn khởi kiện chị có yêu cầu chia đôi nợ chung vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim H số tiền là 26.000.000đ, qua hòa giải tại Tòa giữa chị và chị Nguyễn Thị Kim H đã thỏa thuận xong, phía chị H không yêu cầu giải quyết. Do đó hôm nay chị yêu cầu rút lại yêu cầu chia đôi nợ chung lại, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Hồ Quang T trình bày:

Anh và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (B – Bến Tre) vào ngày 20/9/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng gia đình anh, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm nào anh không nhớ, khi chị L làm công việc bán sim car điện thoại thì anh thấy điện thoại luôn có tin nhắn gửi đến, anh kiểm tra điện thoại thì thấy có nhiều tin nhắn lạ nên anh có nói chuyện với chị L thì vợ chồng xảy ra cự cãi, trong lúc nóng giận anh có dùng cái ghế mũ đánh vào vai chị L một cái, sau đó anh năn nỉ chị L nên vợ chồng vẫn sống hạnh phúc bình thường. Đến tết năm 2018 chị L đi chơi tới khuya mới về nhà, anh có hỏi thì chị L cự cãi lại anh còn dùng lời lẽ hèn hạ với anh nên anh có đánh chị L một bạt tay thì chị L bỏ nhà đi 3- 4 ngày quaya về. Khi quaya về được vài ngày thì đi về nhà cha mẹ chị L sống nên vợ chồng ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay, anh có kêu về nhiều lần nhưng không chịu về. Nay nộp đơn xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý. Con chung Hồ Thị Huỳnh T, sinh ngày 02/11/2007, hiện đang sống với anh, anh yêu cầu được nuôi con, chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ thì anh đồng ý. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật HN&GD chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T.

+ Về con chung: Hồ Thị Huỳnh T, sinh ngày 02/11/2007 giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

+ Về tài sản: không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: do chị L và chị Nguyễn Thị Kim H đã thỏa thuận xong nên chị L rút yêu cầu chia nợ nên đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết.

Từ các lời trình bày trên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai

các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huỳnh L và anh Hồ Quang T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã T vào ngày 20/09/2006 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do không tin tưởng nhau nên nảy sinh nghi ngờ ghen tuông nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn gây cãi bất hoà dẫn đến cuộc sống gia đình của anh chị không còn hạnh phúc nên đã ly thân từ tháng 04/2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên vẫn không thể hòa giải, không thể khắc phục những bất đồng nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không còn khả năng hàn gắn. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, xét yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[2] Về con chung: Hồ Thị Huỳnh T, sinh ngày 02/11/2007, hiện đang sống với anh T, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu T và chị L cũng đồng ý theo nguyện vọng của con nên HĐXX chấp nhận. Ghi nhận chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu chia đôi số nợ vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim H số tiền là 26.000.000đ của chị L đối với anh T. Do giữa chị L và chủ nợ Nguyễn Thị Kim H đã thỏa thuận xong nên chị L rút yêu cầu chia đôi nợ chung của chị H.

[4] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm (hôn nhân + cấp dưỡng): Chị L phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 51, 56, 82, 83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huỳnh L đối với anh Hồ Quang T.

2/- Con chung: Hồ Thị Huỳnh T, sinh ngày 02/11/2007, hiện đang sống với anh Hồ Quang T. Anh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Huỳnh L cấp dưỡng nuôi cháu T số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 6/9/2018.

Chị Nguyễn Thị Huỳnh L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu chia đôi số tiền nợ₃ vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim H là

26.000.000đ của chị L đối với anh T. Do giữa chị L và chủ nợ Nguyễn Thị Kim H đã thỏa thuận xong

4/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng). Buộc chị Nguyễn Thị Huỳnh L phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0016023 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Chị L phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đặng Mộng Tuyền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Tân Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Ngọc Duyên